

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 25-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Quen

2. Ông Huỳnh Văn Rô

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXX- ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Hợp tác xã V: Trụ sở: tầng 4 – Tòa nhà N04 đường N, quận P, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh K, chức vụ: Phó Phòng tín dụng – Ngân hàng hợp tác xã V, Chi nhánh Q; trú tại: số 9, 10 đường O, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Q; có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Bảo Tr sinh năm 1986; trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17-8-2020, bản tự khai ngày 25-12-2020 và lời khai tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng Hợp tác xã V là ông K trình bày: theo hợp đồng tín dụng số TD 29200001 ngày 07 tháng 01 năm 2015 được ký kết giữa Ngân hàng hợp tác xã V – Chi nhánh Q với ông Trần Bảo Tr đã thể hiện ông Tr vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất cho vay là 12%/năm; trả nợ trong 60 kỳ và trả

hàng tháng tương ứng với 01 kỳ, từ kỳ thứ 1 đến kỳ 59 trả 1.670.000 đồng vào ngày 20 hàng tháng, kỳ cuối trả 1.470.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Tr đã trả được tiền vốn 35.000.000 đồng và tiền lãi 13.178.100 đồng thì không tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày 25/12/2020 ông Tr còn nợ tiền vốn 65.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 17.757.042 đồng và tiền lãi quá hạn 37.805.836 đồng. Hiện nay ông Tr đã bỏ nơi cư trú tại ấp M, xã N, thị xã P nhưng không báo cho Ngân hàng biết nên không biết địa chỉ của ông Tr đang ở đâu. Nay yêu cầu ông Tr trả cho Ngân hàng Hợp tác xã V số tiền nợ gốc 65.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 17.757.042 đồng và tiền lãi quá hạn 37.805.836 đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số TD 29200001 ngày 07 tháng 01 năm 2015 kể từ ngày 26/12/2020 cho đến khi ông Tr trả hết nợ.

- Phía bị đơn ông Trần không có mặt tại địa chỉ ấp M, xã N, thị xã P, nơi ông Trần cung cấp địa chỉ khi ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng hợp tác xã V, hiện nay cũng không biết ông Tr hiện giờ đang cư trú ở đâu.

- Do vụ án Tòa án không có tiền hành thu thập, tài liệu chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp phải có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Hợp tác xã V khởi kiện yêu cầu ông Tr trả tiền vay còn nợ. Bị đơn ông Tr cư trú ấp M, xã N, thị xã P. Căn cứ Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Theo hợp đồng tín dụng số TD 29200001 ngày 07 tháng 01 năm 2015 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Trần ghi địa chỉ của ông Tr là tại ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q. Hiện nay ông Tr đã thay đổi nơi cư trú, nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới của ông Tr ở đâu là thuộc trường hợp bị đơn ông Tr cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ và đây là phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Tr đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng Hợp tác xã V về việc không đưa Tỉnh đoàn Q tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy: hợp đồng tín dụng cho vay không có tài sản bảo đảm, đây là loại

hợp đồng cho vay “ Tín chấp”, cơ quan Tỉnh Đoàn Q không có ký kết văn bản nào nhằm ràng buộc nghĩa vụ của Tỉnh Đoàn Q, do đó Tỉnh Đoàn Q không có nghĩa vụ trả thay cho ông Tr nếu ông Tr không thanh toán khoản nợ này, hơn nữa đây là quyền tự định đoạt của đương sự được ghi nhận tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của phía Ngân hàng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hợp tác xã V, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng tín dụng số TD 29200001 ngày 07 tháng 01 năm 2015 được ký kết giữa Ngân hàng Hợp tác xã V với ông Tr và giấy khế ước nhận nợ đã thể hiện: ông Tr có vay của Ngân hàng Hợp tác xã V số tiền 100.000.000 đồng và ông Tr đã được giải ngân số tiền 100.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Tr không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trả nợ theo hợp đồng tín dụng số TD 29200001 ngày 07 tháng 01 năm 2015. Theo các tài liệu, chứng từ Ngân hàng cung cấp cho Tòa án thể hiện: ông Tr đã thực hiện trả nợ cho Ngân hàng được tiền vốn 35.000.000 đồng và tiền lãi 13.178.100 đồng thì không tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, do đó ông Tr đã vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 25/12/2020 ông Tr còn nợ tiền vốn 65.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 17.757.042 đồng, tiền lãi quá hạn 37.805.836 đồng. Từ cơ sở phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hợp tác xã V.

[5] Về án phí: nguyên đơn Ngân hàng Hợp tác xã V được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.909.894 đồng. Bị đơn ông Tr không thuộc trường hợp được miễn, giảm, không phải nộp án phí nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau: $120.562.878 \text{ đồng} \times 5\% = 6.028.143 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 302, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hợp tác xã V.

Buộc ông Trần Bảo Tr phải trả cho Ngân hàng Hợp tác xã V gồm: số tiền nợ gốc 65.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 17.757.042 đồng, nợ lãi quá hạn 37.805.836 đồng. Tổng cộng số tiền 120.562.878 đồng.

Kể từ ngày 26-12-2020, ông Trần Bảo Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số TD 29200001 ngày 07 tháng 01 năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Bảo Tr phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Hợp tác xã V.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Bảo Tr phải chịu 6.028.143 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Hợp tác xã V tiền tạm ứng án phí là 2.909.894 đồng theo biên lai thu số 0001929 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Q.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Truyền